

Bộ câu hỏi trắc nghiệm Kinh tế môi trường - Phần 4 có đáp án**1. Câu hỏi trắc nghiệm Kinh tế môi trường - Phần 4**

Câu 1. Vào năm....., OECD đã đưa ra khuyến cáo về việc áp dụng nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả đối với trường hợp ô nhiễm ngoài dự kiến:

- A. 1972
- B. 1973
- C. 1975
- D. 1989

Câu 2. Chọn phát biểu sai.

- A. Buộc tất cả những ai xả chất thải đều trả cùng giá tiền cho mỗi đơn vị xả thêm sẽ đạt đến một sự phân bổ hiệu quả kinh tế của chi phí kiểm soát chất thải
- B. Buộc tất cả những ai xả chất thải đều trả cùng giá tiền cho mỗi đơn vị xả thêm dẫn đến bất cứ một lượng chất thải nào được sinh ra cũng đã thu một chi phí nhất định để quản lý và kiểm soát nó
- C. Luật và cơ chế thường đưa đến hệ quả là tổng chi phí kiểm soát ô nhiễm cao hơn nhiều so với các công cụ kinh tế
- D. Luật và cơ chế thường cho kết quả là tổng chi phí kiểm soát ô nhiễm thấp hơn nhiều so với các công cụ kinh tế

Câu 3. Với MNPB là lợi ích tăng thêm mà một xí nghiệp đang gây ô nhiễm nhận được từ việc thay đổi mức độ hoạt động của nó bằng một đơn vị và MEC là giá trị của một tác hại kinh tế tăng thêm gây ra bởi ô nhiễm có liên quan đến một đơn vị hoạt động tăng thêm thì...

- A. mức tối ưu kinh tế của ô nhiễm được xác định ở trên đường MNPB
- B. mức tối ưu kinh tế của ô nhiễm được xác định ở trên đường MEC
- C. mức tối ưu kinh tế của ô nhiễm được xác định tại điểm $MNPB = MEC$
- D. mức tối ưu kinh tế của ô nhiễm được xác định tại điểm $MNPB > MEC$

Câu 4. Mức tối ưu kinh tế của ô nhiễm là điểm tại đó...

- A. mức độ ô nhiễm bằng không
- B. ô nhiễm khác không nhưng vẫn trong mức độ chấp nhận được
- C. MNPB cao nhất
- D. MEC thấp nhất

Câu 5. Lệ phí đánh vào việc phát thải chất thải gây ô nhiễm môi trường là...

- A. lệ phí phát thải
- B. lệ phí bảo vệ môi trường.
- C. lệ phí môi trường theo sản phẩm
- D. lệ phí môi trường theo sản phẩm thay th

Câu 6. Mức thu được áp dụng đối với các chất gây ô nhiễm có trong nước thải là...

- A. lệ phí phát thải
- B. lệ phí bảo vệ môi trường
- C. lệ phí môi trường theo sản phẩm
- D. lệ phí môi trường theo sản phẩm thay thế

Câu 7. Lệ phí được đánh vào các sản phẩm có hại cho môi trường khi được sử dụng được gọi là...

- A. lệ phí phát thải
- B. lệ phí bảo vệ môi trường
- C. lệ phí môi trường theo sản phẩm
- D. lệ phí môi trường theo sản phẩm thay thế

Câu 8. Giấy phép mua bán ô nhiễm có thể chuyển nhượng được nhờ vào...

- A. sự khác nhau về chi phí đầu tư xử lý ô nhiễm
- B. lệ phí phát thải
- C. lệ phí bảo vệ môi trường

D. lệ phí môi trường theo sản phẩm thay thế

Câu 9. Thông qua chuyển nhượng giấy phép mua bán ô nhiễm...

- A. người bán côta gây ô nhiễm có thể giảm được chi phí đầu tư cho mục đích bảo vệ môi trường
- B. người mua côta gây ô nhiễm có thể giảm được chi phí đầu tư cho mục đích bảo vệ môi trường
- C. cả người bán và người mua côta gây ô nhiễm đều có thể giảm được chi phí đầu tư cho mục đích bảo vệ môi trường
- D. chi phí đầu tư xử lý ô nhiễm không thay đổi nhưng mục đích bảo vệ môi trường đạt được

Câu 10. Chọn phát biểu sai.

- A. Ký quỹ môi trường giúp nhà nước tiết kiệm đầu tư kinh phí khắc phục ô nhiễm môi trường từ ngân sách
- B. Ký quỹ môi trường khuyến khích doanh nghiệp chủ động bảo vệ môi trường
- C. Ký quỹ môi trường giúp doanh nghiệp lấy lại vốn khi không xảy ra ô nhiễm hoặc suy thoái môi trường
- D. Ký quỹ môi trường giúp làm cho chi phí đầu tư xử lý ô nhiễm không thay đổi nhưng mục đích bảo vệ môi trường đạt được

Câu 11. Công cụ nào không thuộc trợ cấp môi trường?

- A. Trợ cấp không hoàn lại
- B. Các khoản cho vay ưu đãi.
- C. Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền
- D. Ưu đãi thuế

Câu 12. Chọn phát biểu đúng.

- A. Tiêu chuẩn môi trường là những chuẩn mực được quy định dùng làm căn cứ để quản lý môi trường

- B. Tiêu chuẩn môi trường là những giới hạn cho phép được quy định dùng làm căn cứ để quản lý môi trường
- C. Tiêu chuẩn môi trường chính là phát triển bền vững của quốc gia
- D. Tiêu chuẩn môi trường là những chuẩn mực, giới hạn cho phép, được quy định dùng làm căn cứ để quản lý môi trường

Câu 13. Bộ tài nguyên và môi trường ban hành quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT không bao gồm việc bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về môi trường nào sau đây?

- A. TCVN 5937:2005 - Chất lượng không khí - Tiêu chuẩn chất lượng không khí xung quanh
- B. TCVN 5938:2005 - Chất lượng không khí - Nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh
- C. TCVN 5939:2005 - Chất lượng không khí - Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- D. QCVN 09:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giấy và bột giấy

Câu 14. Bộ tài nguyên và môi trường ban hành quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT không bao gồm quy chuẩn nào sau đây?

- A. QCVN 01:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến cao su thiên nhiên
- B. QCVN 08:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
- C. QCVN 09:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm
- D. QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Câu 15. Giá trị hệ số Kq ứng với lưu lượng dòng chảy của sông tiếp nhận nguồn nước thải có $Q \leq 50$ là...

- A. 0,9

B. 1

C. 1,1

D. 1,2

Câu 16. Giá trị hệ số K_q ứng với lưu lượng dòng chảy của sông tiếp nhận nguồn nước thải có $50 < Q \leq 200$ là...

A. 0,9

B. 1

C. 1,1

D. d. 1,2.

Câu 17. Giá trị hệ số K_q ứng với lưu lượng dòng chảy của sông tiếp nhận nguồn nước thải có $Q > 200$ là...

A. 0,9

B. 1

C. 1,1

D. 1,1

Câu 18. Giá trị hệ số K_p ứng với lưu lượng nguồn thải của cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ thải vào môi trường không khí $P \leq 20.000$ là...

A. 1

B. 0,9

C. 0,8

D. 0,7

Câu 19. Giá trị hệ số K_p ứng với lưu lượng nguồn thải của cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ thải vào môi trường không khí $20.000 < P \leq 100.000$ là...

A. 1

B. 0,9

C. 0,8

D. 0,7

Câu 20. Giá trị hệ số K_p ứng với lưu lượng nguồn thải của cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ thải vào môi trường không khí $P > 100.000$ là...

A. 1

B. 0,9

C. 0,8

D. 0,7

Câu 21. Giá trị hệ số K_v ứng với vùng 1 là...

A. 0,4

B. 0,6

C. 0,8

D. 1,0

Câu 22. Giá trị hệ số K_v ứng với vùng 2 là...

A. 0,4

B. 0,6

C. 0,8

D. 1,0

Câu 23. Giá trị hệ số K_v ứng với vùng 3 là...

A. 0,6

B. 0,8

C. 1,0

D. 1,2

Câu 24. Giá trị hệ số K_v ứng với vùng 4 là...

A. 0,6

B. 0,8

C. 1,0

D. 1,2

Câu 25. Giá trị hệ số K_v ứng với vùng 5 là...

A. 1,0

B. 1,2

C. 1,4

D. 1,6

Câu 26. Giá trị hệ số K_f ứng với lưu lượng nguồn nước thải $F \leq 50$ là...

A. 0,9

B. 1,0

C. 1,1

D. 1,2

Câu 27. Giá trị hệ số K_f ứng với lưu lượng nguồn nước thải $50 < F \leq 500$ là...

A. 0,9

B. 1,0

C. 1,1

D. 1,2

Câu 28. Giá trị hệ số K_f ứng với lưu lượng nguồn nước thải $500 < F \leq 5000$ là...

A. 0,9

B. 1,0

C. 1,1

D. 1,2

Câu 29. Giá trị hệ số K_f ứng với lưu lượng nguồn nước thải $F > 5000$ là...

A. 0,9

B. 1,0

C. 1,1

D. 1,2

Câu 30. Thuế được xếp vào...

A. công cụ thị trường

B. công cụ luật pháp

C. công cụ xã hội

D. công cụ chính sách

Câu 31. Chọn phát biểu chính xác nhất

A. Thuế là một khoản thu của chính phủ đối với các tổ chức và các thành viên trong xã hội

B. Thuế là khoản thu mang tính chất bắt buộc và không hoàn trả trực tiếp và được pháp luật quy định

C. Thuế là khoản thu mang tính chất bắt buộc và được hoàn trả trực tiếp

D. Thuế là một khoản thu của chính phủ đối với các tổ chức và các thành viên trong xã hội, khoản thu này mang tính chất bắt buộc, không hoàn trả trực tiếp và được pháp luật quy định

Câu 32. Khi tính thuế, người ta luôn quan tâm...

A. chủng loại thuế

B. mức thuế suất

C. mục đích, phương pháp và nhu cầu thu thuế

D. mức độ trợ cấp cho các dự án bảo vệ môi trường

Câu 33. Buộc phải chuyển một phần thu nhập hoặc tài sản của mình thành nguồn thu của nhà nước do đặc điểm của thuế là...

A. có tính cưỡng bức

B. nguồn thu này không hoàn trả cho người nộp

C. có tính tự nguyện

D. nhà nước dùng các chính sách thuế để làm đòn bẩy kích thích phát triển kinh tế

Câu 34. Chọn phát biểu sai. Phân loại theo đối tượng nộp thuế có...

- A. thuế đánh vào hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ
- B. thuế đánh vào bất động sản
- C. thuế đánh vào thu nhập
- D. thuế trực thu và thuế gián thu

Câu 35. Thuế được xem là một công cụ quản lý và điều tiết nền kinh tế - xã hội vì thông qua thuế...

- A. chính phủ có thể điều khiển và phát triển sản xuất, lưu thông, điều chỉnh các quy luật quan trọng trong nền kinh tế bao gồm: quy luật “cung - cầu”, quy luật “tiền - hàng” và quy luật “tiêu dùng - tích lũy”
- B. đánh vào bất động sản
- C. đánh vào hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ
- D. đánh vào thu nhập

Câu 36. Chọn phát biểu sai.

- A. Thông qua việc đánh thuế chính phủ có thể điều chỉnh cơ cấu kinh tế
- B. Thông qua việc đánh thuế chính phủ có thể lựa chọn các công nghệ thích hợp
- C. Thuế có tác động tích cực đến việc mở rộng lưu thông hàng hóa - dịch vụ, hạn chế đầu cơ tích trữ, bình ổn thị trường...
- D. Thuế không có ý nghĩa đối với việc lựa chọn các công nghệ thích hợp

Câu 37. Chọn phát biểu sai

- A. Thuế góp phần vào việc phân phối lại thu nhập giữa các ngành nghề
- B. Thuế góp phần vào việc phân phối lại thu nhập giữa nhóm chính trị
- C. Thuế góp phần vào việc phân phối lại thu nhập giữa các vùng
- D. Thuế góp phần vào việc phân phối lại thu nhập giữa các tầng lớp dân cư

Câu 38. Chọn phát biểu đúng.

- A. Thuế không phải là phương tiện dùng để huy động nguồn tài chính vào ngân sách nhà nước
- B. Thuế không có chức năng huy động nguồn tài chính.
- C. Thông qua thuế, nhà nước tham gia phân phối và phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân trong xã hội
- D. Việc đánh thuế không tạo ra tính công bằng tương đối

Câu 39. Nhằm xác định đối tượng thực sự phải chịu thuế, người ta phân ra làm...

- A. 2 loại thuế
- B. 3 loại thuế
- C. 4 loại thuế
- D. 5 loại thuế

Câu 40. Chọn phát biểu sai.

- A. Thuế trực thu là loại thuế được phân loại theo hình thức
- B. Thuế gián thu là loại thuế được phân loại theo hình thức
- C. Cả thuế trực thu và thuế gián thu đều được phân loại theo hình thức
- D. Cả thuế trực thu và thuế gián thu đều không được phân loại theo hình thức

Câu 41. Chọn phát biểu đúng.

- A. Thuế trực thu có xét đến tính công bằng hơn so với thuế gián thu
- B. Việc đánh thuế theo hình thức trực thu không công bằng bằng việc đánh thuế theo hình thức gián thu
- C. Việc đánh thuế theo hình thức trực thu hay gián thu không có xét đến tính công bằng
- D. Thuế trực thu kích thích sự cố gắng tăng thu nhập của các đối tượng

Câu 42. Chọn phát biểu đúng.

- A. Thuế trực thu có xét đến tính công bằng hơn so với thuế gián thu

- B. Việc đánh thuế theo hình thức trực thu không công bằng bằng việc đánh thuế theo hình thức gián thu
- C. Việc đánh thuế theo hình thức trực thu hay gián thu không có xét đến tính công bằng
- D. Thuế trực thu kích thích sự cố gắng tăng thu nhập của các đối tượng

Câu 43. Loại thuế trực tiếp điều tiết thu nhập của người nộp thuế là...

- A. thuế trực thu
- B. thuế gián thu
- C. thuế đánh vào hoạt động sản xuất kinh doanh
- D. thuế đánh vào sản phẩm hàng hóa - dịch vụ

Câu 44. Người trực tiếp nộp thuế không phải là người chịu trực tiếp phần lớn số thuế là...

- A. thuế trực thu
- B. thuế gián thu
- C. thuế đánh vào hoạt động sản xuất kinh doanh
- D. thuế đánh vào sản phẩm hàng hóa - dịch vụ

Câu 45. Tình trạng từ chối hoặc trốn, lậu thuế thường xảy ra đối với loại...

- A. thuế trực thu
- B. thuế gián thu
- C. thuế đánh vào hoạt động sản xuất kinh doanh
- D. thuế đánh vào sản phẩm hàng hóa - dịch vụ

Câu 46. Thuế đánh vào tiêu dùng là...

- A. thuế trực thu
- B. thuế gián thu
- C. thuế đánh vào thu nhập
- D. thuế đánh vào sản phẩm hàng hóa - dịch vụ

Câu 47. Thuế ô nhiễm do..... đưa ra

- A. nhà kinh tế học Pigou
- B. nhà kinh tế học Pareto
- C. nhà kinh tế học Keys
- D. nhà kinh tế học Ricardo

Câu 48. Điểm sản lượng tối ưu xã hội là điểm có...

- A. $MNPB > 0$
- B. $MNPB < 0$
- C. $MEC > MNPB$
- D. $MEC < MNPB$

Câu 49. Để tính thuế ô nhiễm tối ưu, chúng ta cần biết...

- A. giao điểm của đường MNPB với đường MEC
- B. đường MNPB
- C. đường MNPB
- D. chi phí để sản xuất hàng hóa - dịch vụ

Câu 50. Ai phải trả thuế ô nhiễm?

- A. Người sản xuất
- B. Người tiêu dùng
- C. Cả người sản xuất và người tiêu dùng
- D. Chính phủ

2. Đáp án câu hỏi trắc nghiệm Kinh tế môi trường - Phần 4

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	D	Câu 26	D
Câu 2	D	Câu 27	C
Câu 3	C	Câu 28	B

Câu 4	B	Câu 29	A
Câu 5	A	Câu 30	D
Câu 6	B	Câu 31	D
Câu 7	C	Câu 32	C
Câu 8	A	Câu 33	C
Câu 9	C	Câu 34	D
Câu 10	D	Câu 35	A
Câu 11	C	Câu 36	D
Câu 12	D	Câu 37	B
Câu 13	D	Câu 38	D
Câu 14	A	Câu 39	A
Câu 15	A	Câu 40	D
Câu 16	B	Câu 41	A
Câu 17	C	Câu 42	A
Câu 18	A	Câu 43	A
Câu 19	B	Câu 44	B
Câu 20	C	Câu 45	A
Câu 21	B	Câu 46	B
Câu 22	C	Câu 47	A
Câu 23	C	Câu 48	C
Câu 24	D	Câu 49	A

Câu 25	C	Câu 50	C
--------	---	--------	---



vndoc